

PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ IA HRÚ (TRƯỚC SÁP XẾP)
(kèm theo Tờ trình số 59/TTr-UBND, ngày 06/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Hrí)

STT	Nội dung	DỰ TOÁN GIAO				Điều chỉnh giảm				Điều chỉnh tăng				DỰ TOÁN GIAO SAU ĐIỀU CHỈNH			
		Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	NS xã	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	NS xã	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	NS xã	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	NS xã
		1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13=14+15+16	14=2.6+10	15=3-7+11	16=4-8+12
II	DỰ TOÁN NĂM 2025	3.512.958.000	3.261.458.000	-	251.500.000	(1.504.458.000)	(1.360.158.000)	-	(144.300.000)	3.063.530.000	2.949.210.000	66.170.000	48.150.000	5.072.030.000	4.850.510.000	66.170.000	155.350.000
	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025	3.512.958.000	3.261.458.000	-	251.500.000	(1.504.458.000)	(1.360.158.000)	-	(144.300.000)	3.063.530.000	2.949.210.000	66.170.000	48.150.000	5.072.030.000	4.850.510.000	66.170.000	155.350.000
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	205.000.000	205.000.000			-								205.000.000	205.000.000	-	-
	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	160.000.000	160.000.000			-								160.000.000	160.000.000	-	-
	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	45.000.000	45.000.000			-								45.000.000	45.000.000	-	-
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	941.500.000	889.300.000	-	52.200.000	(30.000.000)	(30.000.000)	-	-					911.500.000	859.300.000	-	52.200.000
	Tiểu dự án 2: nội dung 1 Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	911.500.000	859.300.000		52.200.000	-								911.500.000	859.300.000	-	52.200.000
	Tiểu dự án 3- nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	30.000.000	30.000.000			(30.000.000)	(30.000.000)							-	-	-	-
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	892.000.000	837.000.000	-	55.000.000					3.063.530.000	2.949.210.000	66.170.000	48.150.000	3.955.530.000	3.786.210.000	66.170.000	103.150.000
	Tiểu dự án 1- Nội dung 1: Đầu tư chỉnh sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi	892.000.000	837.000.000		55.000.000					3.063.530.000	2.949.210.000	66.170.000	48.150.000	3.955.530.000	3.786.210.000	66.170.000	103.150.000
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	749.158.000	639.158.000	-	110.000.000	(749.158.000)	(639.158.000)	-	(110.000.000)					-	-	-	-
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	343.000.000	233.000.000		110.000.000	(343.000.000)	(233.000.000)		(110.000.000)					-	-	-	-
	Tiểu dự án 2 Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	98.000.000	98.000.000			(98.000.000)	(98.000.000)							-	-	-	-
	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	230.158.000	230.158.000			(230.158.000)	(230.158.000)							-	-	-	-
	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.	78.000.000	78.000.000			(78.000.000)	(78.000.000)							-	-	-	-
5	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	197.000.000	180.000.000		17.000.000	(197.000.000)	(180.000.000)		(17.000.000)					-	-	-	-
6	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	166.000.000	159.000.000	-	7.000.000	(166.000.000)	(159.000.000)	-	(7.000.000)					-	-	-	-
	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	166.000.000	159.000.000	-	7.000.000	(166.000.000)	(159.000.000)	-	(7.000.000)					-	-	-	-
7	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	362.300.000	352.000.000	-	10.300.000	(362.300.000)	(352.000.000)	-	(10.300.000)					-	-	-	-
	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.	349.000.000	339.000.000		10.000.000	(349.000.000)	(339.000.000)		(10.000.000)					-	-	-	-
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.	13.300.000	13.000.000		300.000	(13.300.000)	(13.000.000)		(300.000)					-	-	-	-